

Các văn bản đã ban hành

PHỦ THỦ TƯỚNG

NGHỊ NGHỊ số 355-TTg ngày 16-7-1958
quy định việc quản lý các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ sắc lệnh số 202-SL ngày 15 tháng 10 năm 1946 quy định thể lệ xuất khẩu, chuyên chở và buôn bán vàng bạc;

Căn cứ nghị định Thủ tướng Chính phủ số 631-TTg ngày 13 tháng 12 năm 1955 về quản lý vàng bạc;

Căn cứ nghị định Thủ tướng Chính phủ số 168-TTg ngày 20 tháng 4 năm 1957 cấm xuất nhập khẩu bạch kim và các loại đá quý;

Căn cứ Sắc luật số 001 - SL ngày 19 tháng 4 năm 1957 cấm mọi hành động đầu cơ về kinh tế, được chuẩn y, sửa đổi và bổ sung do quyết nghị ngày 14 tháng 9 năm 1957 của Quốc hội;

Theo đề nghị của ông Tổng Giám đốc Ngân hàng quốc gia Việt nam và ông Bộ trưởng Bộ Nội thương;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Đề tăng cường quản lý các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai, bài trừ triệt để nạn đầu cơ, buôn lậu các loại nói trên và góp phần vào việc ổn định vật giá, nay cấm các hiệu tư doanh và tư nhân:

— buôn bán các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai;

— tập trung có mục đích đầu cơ các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai;

— xuất, nhập khẩu các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai, trừ trường hợp được Ngân hàng quốc gia Việt nam cho phép;

— dùng các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai để trao đổi, giao dịch, mối lái, cầm cố, thanh toán nợ nần.

Điều 2. — Kim khí quý nói trong nghị định này gồm tất cả các loại vàng bạc (như vàng bạc thoi, khối, nén, vàng lá, vàng cốm, vàng vụn, tiền vàng, tiền bạc), các loại bạch kim; các đồ mỹ nghệ và đồ trang sức bằng vàng bạc, bạch kim; các loại hợp kim có vàng bạc, bạch kim. Đá quý gồm có kim cương và các loại ngọc, xa-phia,

Về các loại bạc nén, bạc hoa xòe (bạc trắng, bạc đồng, bạc hào), Ngân hàng quốc gia Việt nam cùng với Ủy ban Dân tộc sẽ có những quy định riêng cho những vùng dân tộc ít người mà đồng bào nơi đó còn có tập quán dùng các loại đó để trao đổi trong nội bộ dân tộc ít người về các việc ma chay, cưới xin, v.v...

Điều 3. — Kể từ ngày công bố nghị định này, các hiệu vàng bạc tư doanh không được mua kim khí quý, đá quý, ngọc trai nữa.

Ngân hàng quốc gia Việt nam sẽ quy định thể thức và thời hạn cho các hiệu nói trên được bán hết số hàng tồn kho.

Điều 4. — Việc mua bán, kinh doanh các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai, đồ trang sức, đồ mỹ nghệ bằng kim khí quý, đá quý, ngọc trai từ nay thống nhất vào Ngân hàng quốc gia Việt nam. Tùy theo khả năng, Ngân hàng quốc gia Việt nam sẽ tổ chức việc cung cấp các loại nói trên cho nhu cầu khoa học và kỹ thuật của các cơ quan, xí nghiệp và nhu cầu trang sức của nhân dân.

Điều 5. — Những tổ chức biến hoặc thợ chuyên nghiệp đã được phép làm công việc chế biến, sửa chữa đồ trang sức, đồ mỹ nghệ bằng kim khí quý, đá quý, ngọc trai, phải theo đúng những luật lệ về đăng ký, thuế khóa, những thể lệ về sửa chữa và chế biến đồ trang sức do Ngân hàng quốc gia Việt nam quy định, và chịu sự kiểm soát của Ngân hàng quốc gia Việt nam.

Điều 6. — Nếu không có giấy phép của Ngân hàng quốc gia Việt nam hoặc cơ quan được ủy nhiệm cấp, thì không ai được mang các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai chưa chế biến thành đồ trang sức hay đồ mỹ nghệ.

Kim khí quý, đá quý, ngọc trai đã chế biến thành đồ trang sức hoặc đồ mỹ nghệ như vàng bạc, bạch kim đánh thành nhẫn, hoa tai v.v... đá quý, ngọc trai lắp vào mặt nhẫn, mặt hoa tai hay khâu thành chuỗi đeo, v.v... nếu chỉ mang dưới số lượng Ngân hàng quốc gia Việt nam quy định thì không phải xin phép, nhưng người mang phải có đủ giấy tờ hợp pháp.

Điều 7. — Mọi người đều có quyền cất giữ kim khí quý, đá quý, ngọc trai. Ngân hàng quốc gia Việt nam sẽ quy định thể lệ cấp giấy chứng nhận để bảo vệ quyền lợi cho người cất giữ và tránh sự gian lận.

Điều 8. — Đối với những người làm trái nghị định này hoặc làm trái những quy định do Ngân hàng quốc gia Việt nam ban hành để thi hành nghị định này thì Ngân hàng quốc gia Việt nam tùy theo lỗi nhẹ hay nặng mà xử lý theo một hay nhiều hình thức sau đây:

- cảnh cáo;
- phạt tiền bằng từ 10% đến 3 lần trị giá tang vật;
- trưng mua hoặc tịch thu một phần hay toàn bộ tang vật;
- truy tố trước Tòa án:

Đối với những tổ chế biến hoặc thợ chuyên nghiệp được phép làm công việc chế biến, sửa chữa đồ trang sức, đồ mỹ nghệ bằng kim khí quý, đá quý, ngọc trai, mà không theo đúng luật lệ hiện hành, thì ngoài việc xử lý theo những hình phạt trên đây, Ngân hàng quốc gia Việt-nam có thể đình chỉ công việc chế biến, sửa chữa đồ trang sức có thời hạn hay vĩnh viễn.

Những can phạm đưa ra truy tố trước tòa án có thể bị xử phạt theo điều 5 sắc lệnh số 202-SL ngày 15 tháng 10 năm 1946 nếu là phạm pháp về vàng, bạch kim, đá quý, ngọc trai hoặc theo điều 8 sắc lệnh nói trên nếu là phạm pháp về bạc.

Đối với những vụ phạm pháp có tính chất đầu cơ thì can phạm có thể bị xử phạt theo sắc luật số 001 - SL ngày 19 tháng 4 năm 1957.

Điều 9. — Những người có công giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm khám phá hoặc bắt được các vụ phạm pháp về kim khí quý, đá quý, ngọc trai, không phân biệt thường dân, bộ đội, nhân viên Chính phủ, sẽ được khen thưởng. Trường hợp có xử phạt tiền và tịch thu tang vật, thì người có công sẽ được thưởng tiền. Trong mỗi vụ, tổng số tiền thưởng bằng từ 10% đến 30% số tiền phạt cộng với từ 10% đến 20% trị giá tang vật tịch thu; số tiền thưởng cho mỗi người không quá một triệu đồng.

Điều 10. — Các nghị định số 631-TTg ngày 13 tháng 12 năm 1955 và 168-TTg ngày 20 tháng 4 năm 1957 cũng như mọi điều khoản khác trái với nghị định này trong các văn bản ban hành trước đây đều bãi bỏ.

Điều 11. — Ngân hàng quốc gia Việt nam quy định thể lệ chi tiết thi hành nghị định này.

Điều 12. — Các ông Tổng Giám đốc Ngân hàng quốc gia Việt nam, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nội thương, Bộ trưởng Bộ Ngoại thương, Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện Công tố, Chánh án Tòa án tối cao, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và các Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Ngày 16 tháng 7 năm 1958

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

LIÊN BỘ

LAO ĐỘNG — NỘI VỤ

THÔNG TƯ số 49-TTLB ngày 10-7-1958 bổ sung chế độ giữ trẻ.

Qua quá trình thi hành thông tư số 2-LB/CB ngày 16-5-1954 về chế độ giữ trẻ, Liên Bộ nhận định:

Chế độ giữ trẻ đã giúp cho nữ cán bộ, công nhân, viên chức khắc phục được nhiều khó khăn, hăng hái tham gia công tác và sản xuất. Các cơ quan, xí nghiệp cần nhận rõ điều đó để làm cho công tác giữ trẻ ngày càng tốt hơn vì nó thể hiện chính sách của Đảng và Chính phủ đối với phụ nữ và nhi đồng, đồng thời giúp thiết thực đẩy mạnh công tác và sản xuất phù hợp với đường lối tiến lên xã hội chủ nghĩa của miền Bắc nước ta.

Chế độ giữ trẻ là một chế độ xã hội, nhưng hiện nay về tổ chức và trợ cấp vẫn còn có tính chất bán cung cấp. Nhất là về tổ chức công kình lại phân tán nên hiệu suất công tác giữ trẻ kém (vì nghiệp vụ không được đề cao) năng suất người giữ trẻ quá thấp (một người giữ 2, 3 cháu). Người giữ trẻ không có điều kiện tiến bộ về nghiệp vụ.

Mặt khác các bà mẹ có con cũng chưa có quan niệm đúng đắn về trách nhiệm của người mẹ nuôi con là chính, Chính phủ chỉ giúp đỡ một phần.

Hơn nữa, việc thi hành chế độ giữ trẻ chỉ mới giải quyết cho nữ cán bộ, công nhân, nhân viên kháng chiến. Còn số đông nữ công nhân, nhân viên mới tuyển sau hòa bình hay lưu dụng đều chưa được hưởng chế độ đó. Do đó cũng gây nhiều thắc mắc trong công nhân viên chức.

Đi đôi với việc thi hành chế độ lương mới, cần phải nghiên cứu ban hành chế độ giữ trẻ thích hợp với hoàn cảnh mới, và thi hành thống nhất cho tất cả các loại nữ công nhân, viên chức. Nhưng trong khi chờ đợi nghiên cứu theo hướng trên, Liên Bộ nhận thấy cần phải giải quyết một số việc cần thiết nhằm uốn nắn những lệch lạc trong việc thi hành chế độ giữ trẻ hiện nay, củng cố tổ chức giữ trẻ, nâng mức phục vụ của người giữ trẻ, giảm bớt chi tiêu và cần tổ chức những nhóm trẻ mà nữ công nhân, nhân viên gửi con có trả tiền để giải quyết khó khăn cho chị em, bảo đảm sản xuất. Liên Bộ quy định một số điểm cụ thể sau đây:

I. — TỔ CHỨC GIỮ TRẺ

a) Nhiệm vụ người giữ trẻ:

Người giữ trẻ có nhiệm vụ trông nom các cháu để mẹ các cháu có thể đi làm việc trong giờ chính